

Số: 81/2025/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 10 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày và danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định Quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày và danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, bao gồm:

1. Quy định khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày.

2. Quy định địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá không thể đi đến trường và trở về trong ngày.

3. Quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Học sinh, học viên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh gồm:

a) Học sinh bán trú theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP;

b) Học viên bán trú đang học tại cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP;

c) Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

2. Cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, gồm:

a) Trường phổ thông dân tộc bán trú, cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú;

b) Trường phổ thông dân tộc nội trú.

## **Điều 3. Quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày**

1. Quy định khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được xác định như sau:

a) Nhà ở xa trường từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học và từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở;

b) Nhà ở xa trường từ 10 km trở lên đối với học sinh trung học phổ thông;

c) Nhà ở xa nơi học tập từ 7 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, từ 10 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

2. Quy định cụ thể địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá, làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về trong ngày tại Phụ lục kèm theo.

## **Điều 4. Quy định cụ thể danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú**

1. Học sinh dân tộc nội trú ở mỗi cấp học được cấp một lần bằng hiện vật: Chăn bông cá nhân, màn cá nhân, chiếu cá nhân, áo mưa hoặc ô, gối, chậu, phích nước, móc treo quần áo, khăn mặt, xô nhựa, ca uống nước.

2. Mỗi năm học, học sinh được cấp 02 bộ quần áo đồng phục (mùa đông, mùa hè) và học phẩm khác theo nhu cầu của học sinh trong từng năm (vở, giấy, bút, cặp, tẩy, thước kẻ, bộ compa và thước đo độ, kéo, hồ dán).

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 10 năm 2025

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Bộ GDĐT (báo cáo);
- Đảng ủy UBND tỉnh (báo cáo);
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ninh;
- V0, V1-4; VX1;
- Lưu VT, GD. 242.3 - 615

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Hạnh**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC ĐỊA BÀN CÓ ĐỊA HÌNH CÁCH TRỞ, GIAO THÔNG**  
**ĐI LẠI KHÓ KHĂN PHẢI QUA BIÊN, HỒ, SÔNG, SUỐI, QUA ĐÈO, NÚI CAO,**  
**QUA VÙNG SẠT LỎ ĐẤT, ĐÁ LÀM CẢN CỨ XÁC ĐỊNH HỌC SINH**  
**KHÔNG THỂ ĐI ĐẾN TRƯỜNG VÀ TRỞ VỀ NHÀ TRONG NGÀY**

(Kèm theo Quyết định số 81/2025/QĐ-UBND  
ngày 17 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

TT	ĐỊA BÀN	ĐẶC ĐIỂM
<b>1</b>	<b>Xã Kỳ Thượng</b>	
1	Thôn Khe Lương	Qua suối không có cầu
2	Thôn Khe Tre	Qua suối không có cầu
3	Thôn Khe Phương	Qua suối không có cầu
4	Thôn Đồng Loóng	Qua đèo dốc cao, nguy cơ sạt lở
5	Thôn Làng Dạ	Qua cống tràn, ngập lụt mùa mưa lũ
6	Thôn Làng Lốc	Qua đèo dốc cao, nguy cơ sạt lở
7	Thôn Bắc Xa (Khu dân cư Khe Phít)	Qua suối, cống tràn mùa mưa lũ
8	Thôn Bắc Cáp	Qua suối, cống tràn mùa mưa lũ
9	Thôn Bắc Tập (Khu dân cư Khe Chòong)	Qua đập tràn, thường xuyên ngập lụt mùa mưa lũ
<b>2</b>	<b>Phường Hoàn Bò</b>	
1	Thôn Khe Lèn	Qua suối không có cầu
2	Thôn Cài	Qua ngàm tràn, thường xuyên ngập lụt vào ngày mưa lũ
3	Thôn Đèo Đọc	Qua ngàm tràn, thường xuyên ngập lụt vào ngày mưa lũ
<b>3</b>	<b>Xã Thống Nhất</b>	
1	Thôn Đồng Trà	Qua ngàm tràn, thường xuyên ngập lụt vào ngày mưa lũ
2	Thôn Đồng Quặng	Qua suối không có cầu
<b>4</b>	<b>Xã Lương Minh</b>	
1	Thôn Khe Càn	Qua ngàm tràn, thường xuyên ngập lụt vào ngày mưa lũ
2	Thôn Tân Ốc 1	Qua ngàm tràn, thường xuyên ngập lụt vào ngày mưa lũ
3	Thôn Tân Ốc 2	Qua ngàm tràn, thường xuyên ngập lụt vào ngày mưa lũ
4	Thôn Phú Liễn	Qua ngàm tràn, thường xuyên ngập lụt vào ngày mưa lũ

<b>TT</b>	<b>ĐIỂM</b>	<b>ĐIỂM</b>	<b>ĐẶC ĐIỂM</b>
	5	Thôn Khe Áng	Qua đèo dốc, ngầm tràn, giao thông đi lại khó khăn
	6	Thôn Đồng Tán	Qua đèo dốc, ngầm tràn, giao thông đi lại khó khăn
	7	Thôn Đồng Doong	Qua đèo dốc, ngầm tràn, giao thông đi lại khó khăn
<b>5</b>	<b>Xã Quảng La</b>		
	1	Thôn Đồng Mùng	Qua ngầm, thường xuyên ngập lụt do mưa lũ
	2	Thôn Khe Đồng	Đường dốc, đồi núi dễ sạt lở
	3	Thôn Bằng Anh (khu dân cư Bằng Anh)	Qua đập tràn, suối, mùa mưa lũ bị chia cắt
<b>6</b>	<b>Xã Ba Chẽ</b>		
	1	Thôn Khe Lọng Trong	Qua đèo dốc cao, nguy cơ sạt lở
	2	Thôn Thác Lào	Qua đèo dốc cao, nguy cơ sạt lở
	3	Thôn Lang Cang	Qua khe suối, đèo núi cao dễ sạt lở
	4	Thôn Khe Mười	Đường đồi núi giao thông đi lại khó khăn
	5	Thôn Làng Cống	Qua khe suối, đèo núi cao dễ sạt lở
	6	Thôn Khe Mẩn	Qua khe suối, đèo núi cao dễ sạt lở
	7	Thôn Pác Cáy	Đường đồi núi giao thông đi lại khó khăn
	8	Thôn Tàu Tiên (Khu dân cư Khe Lầm)	Qua 02 đập tràn, thường xuyên ngập lụt mùa mưa lũ
	9	Thôn Cái Gian	Qua cống tràn, thường xuyên ngập lụt vào mùa mưa
	10	Thôn Khe Hồ	Mưa lớn thường gây ngập lụt, sạt lở đường đi
<b>7</b>	<b>Đặc khu Vân Đồn</b>		
	1	Thôn 10/10	Địa hình đồi núi, khe suối, dốc trơn trượt
	2	Thôn Cống Đông	Một đảo, đi qua sông
	3	Thôn Nà Sấn	Địa hình đồi núi, khe suối, dốc trơn trượt
	4	Thôn Điền Xá	Địa hình đồi núi, khe suối, dốc trơn trượt
	5	Bản Đài Van	Địa hình đồi núi, khe suối, dốc trơn trượt
<b>8</b>	<b>Xã Tiên Yên</b>		
	1	Thôn Khe Vè	Qua dốc cao, dài gần 2km, hay sạt lở
	2	Thôn Văn Mây	Địa hình đồi núi, đường dốc, nguy cơ sạt lở

TT		ĐỊA BÀN	ĐẶC ĐIỂM
	3	Thôn Nà Ca	Đường dốc, đi lại khó khăn, qua tràn
	4	Thôn Hua Cầu (Khu dân cư Ngọn Khe)	Đường dốc, có vực sâu, nguy cơ sạt lở, đi lại khó khăn
	5	Thôn Đồng Đình	Qua 2 dốc dài 300m, độ nghiêng 10% qua tràn
	6	Thôn Hồng Phong (Xóm Nà Kiếu)	Đi lại khó khăn, qua cầu tràn, qua dốc, đường rừng nhỏ
	7	Thôn Kéo Kai	Dốc cao, đồi núi
	8	Thôn Khe Mười	Dốc cao, đồi núi
<b>9</b>	<b>Xã Điện Xá</b>		
	1	Thôn Thống Nhất	Qua đập tràn ngập lụt vào mùa mưa; có dốc trên 10%
	2	Thôn Hà Bắc	Qua suối, không có cầu
	3	Thôn Tân Lập	Qua đập tràn mùa mưa lũ
	4	Thôn Hà Lâm (khu dân cư Khe Ngà, Bắc Cương)	Qua đập tràn, địa hình dễ sạt lở, có dốc nghiêng trên 10%
	5	Thôn Chiến Thắng	Qua ngầm tràn, đường dốc
	6	Thôn Tiên Hải	Qua ngầm tràn, đường dốc
<b>10</b>	<b>Xã Hoành Mô</b>		
	1	Thôn Phai Lầu	Qua núi cao, nguy cơ sạt lở
	2	Thôn Cầm Hắc	Qua núi cao, nguy cơ sạt lở
	3	Thôn Sông Moóc	Qua núi cao, nguy cơ sạt lở
	4	Thôn Nặm Đàng	Qua đèo cao dễ sạt lở
	5	Thôn Nà Choòng	Qua đèo cao dễ sạt lở
	6	Thôn Nà Pò	Qua đèo cao dễ sạt lở
	7	Thôn Pắc Cương	Qua 01 đập tràn, đèo cao dễ sạt lở
	8	Thôn Lòong Vài	Qua đèo cao dễ sạt lở
	9	Thôn Phặc Chè	Qua đèo cao dễ sạt lở
	10	Thôn Nà Sa	Qua 01 đập tràn, đèo cao dễ sạt lở
<b>11</b>	<b>Xã Lục Hồn</b>		
	1	Thôn Nà Áng	Qua suối, đập tràn
	2	Thôn Pắc Pò	Qua 01 đập tràn, đèo cao dễ sạt lở
	3	Thôn Phiêng Sáp	Qua đập tràn, đèo núi cao, nguy cơ sạt lở

TT	ĐỊA BÀN	ĐẶC ĐIỂM
4	Thôn Chè Phạ	Qua đập tràn, đèo núi cao, nguy cơ sạt lở
5	Thôn Kèo Chản	Qua núi cao, vực sâu, dễ sạt lở
6	Thôn Phá Lạn	Đèo núi cao, nguy cơ sạt lở
7	Thôn Ngàn Mèo Trên	Đèo núi cao, nguy cơ sạt lở
8	Thôn Ngàn Mèo Dưới	Đèo núi cao, nguy cơ sạt lở
9	Thôn Cao Thắng	Đèo núi cao, nguy cơ sạt lở
10	Thôn Khe O	Đèo núi cao, nguy cơ sạt lở
<b>12</b>	<b>Xã Bình Liêu</b>	
1	Thôn Khe Lạc	Qua đèo cao dễ sạt lở
2	Thôn Khe Và	Qua 01 đập tràn, đèo cao dễ sạt lở
3	Thôn Pắc Liềng	Qua 01 đập tràn, đèo cao dễ sạt lở
4	Thôn Nà Nhái	Đèo núi cao, nguy cơ sạt lở
5	Thôn Ngàn Chi	Qua 01 khe suối, đèo cao dễ sạt lở
6	Thôn Khúi Luông	Qua 01 khe suối, đèo cao dễ sạt lở
7	Thôn Mạ Chạt	Qua đèo núi cao, nguy cơ sạt lở
8	Thôn Nà Mo	Đèo núi cao, nguy cơ sạt lở
9	Thôn Sú Cáu	Qua 02 khe suối, đèo cao dễ sạt lở
10	Thôn Lục Ngù	Đèo núi cao, nguy cơ sạt lở
11	Thôn Khe Mỏ	Qua 01 khe suối, đèo cao dễ sạt lở
12	Thôn Thông Châu	Qua 01 khe suối, đèo cao dễ sạt lở
<b>13</b>	<b>Xã Quảng Tân</b>	
1	Bản Thanh Bình (Khu dân cư Thanh Y)	Qua 02 đập tràn, núi cao, nguy cơ sạt lở
2	Bản Siệc Lống Mìn	Qua đập tràn, đèo núi cao, nguy cơ sạt lở
3	Bản Lý Khoái	Đèo núi cao, nguy cơ sạt lở
4	Bản Siêng Lống	Qua nhiều núi cao, nguy cơ sạt lở
5	Bản Tài Lý Sáy	Qua ngầm tràn, địa hình có nhiều núi cao, nguy cơ sạt lở
6	Thôn Mào Sán Cáu	Đường dốc, đi lại khó khăn, qua tràn
7	Thôn Tầm Làng	Đường dốc, đi lại khó khăn, qua tràn

TT	ĐỊA BÀN	ĐẶC ĐIỂM
8	Thôn Nà Pá	Đi qua ngầm tràn
9	Thôn Tân Trúc Tùng	Đi qua ngầm tràn
10	Thôn Nà Thông	Đi qua ngầm tràn
11	Thôn Nà Cáng	Đi qua ngầm tràn
12	Thôn Làng Ngang	Đi qua ngầm tràn
13	Thôn An Sơn	Đi qua ngầm tràn
<b>14</b>	<b>Xã Quảng Đức</b>	
1	Bản Pạc Này	Qua đập tràn, sông, suối
2	Bản Nà Lý	Qua đập tràn, sông, suối
<b>15</b>	<b>Xã Đường Hoa</b>	
1	Bản Pạc Sùi	Qua đập tràn, sông, suối
2	Thôn Quảng Sơn 4	Qua đập tràn, sông, suối
3	Bản Lý Quảng	Qua đập tràn, sông, suối
4	Bản Mồ Kiệc	Qua đập tràn, sông, suối